

Kính gửi: Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO DANH SÁCH NGƯỜI THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐƯỢC
CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TIẾP NHẬN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
VÀ CẤP GIẤY XÁC NHẬN THỰC HÀNH**
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Nhân dân Gia Định

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
1.	Lê Thị Thúy Nga	24/04/1999	Bác Sĩ Y Khoa	57 Trần Kiên, Thị Trấn Quảng Phú, Huyện Cumgar, Tỉnh Đắk Lắk	25/03/2024	25/03/2025
2.	Hoàng Thị Linh Chi	11/09/1999	Bác Sĩ Y Khoa	20, Đường 3/2, Kp5, Thị Trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	25/03/2024	25/03/2025
3.	Nguyễn Trọng Nghĩa	24/03/1993	Bác Sĩ Y Khoa	108 Lê Hoàng Phái, Phường 17, Quận Gò Vấp, TPHCM	25/03/2024	25/03/2025
4.	Võ Hồ Diễm Quỳnh	07/09/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Khu phố 2, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	25/03/2024	25/03/2025
5.	Cao Thiên Hương	12/10/1999	Bác Sĩ Y Khoa	174/3 Tân Phú, Tân Quý, Tân Quý TPHCM	25/03/2024	25/03/2025
6.	Đặng Thị Thu Hiền	06/10/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Tổ Dân Phố 2, Thị Trấn Cát Tiên, Huyện Cát Tiên, Tỉnh Lâm Đồng	25/03/2024	25/03/2025
7.	Mai Nguyên Ngọc Nữ	27/09/1999	Bác Sĩ Y Khoa	69 Võ Văn Kiệt, Phường Nhơn Thành, Thị Xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	25/03/2024	25/03/2025
8.	Đỗ Thị Phương Thảo	28/12/1998	Bác Sĩ Y Khoa	16 Khu Phố 4, Đường ĐHT30, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh	25/03/2024	25/03/2025
9.	Nguyễn Huỳnh Lâm	11/08/1999	Bác Sĩ Đa Khoa	22/5 Ấp Vĩnh Xuân A, Xã Dương Xuân Hội, Huyện	25/03/2024	25/03/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
				Châu Thành, Tỉnh Long An		
10.	Hoàng Thị Hương Nhu	09/08/1983	Bác Sĩ Đa Khoa	Áp Thành Công, Xã Vĩnh Thanh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	25/03/2024	25/03/2025
11.	Dương Hồng Đạt	27/11/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Khóm 1, Thị Trấn Long Hồ, Long Hồ, Vĩnh Long	25/03/2024	25/03/2025
12.	Nguyễn Thị Thùy Trang	20/01/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Phường Trương Quang Trọng, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	25/03/2024	25/03/2025
13.	Phạm Thành Luân	16/11/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Áp 1, Phú Lợi, Định Quán, Đồng Nai	25/03/2024	25/03/2025
14.	Hoàng Đình Cường	29/08/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Tổ Dân Phố 9, Thị Trấn Phước An, Krông Pắc, Đắk Lắk	25/03/2024	25/03/2025
15.	Cao Lê Hoài Vũ	07/10/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Thống Nhất, Xã Tịnh Ấn Tây, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	25/03/2024	25/03/2025
16.	Phan Thị Phương Thảo	02/06/1999	Bác Sĩ Y Khoa	491a Trương Thị Hoa, Tân Thới Hiệp, Quận 12, Tp. HCM	25/03/2024	25/03/2025
17.	Cao Bình Minh Truyền	12/03/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Kp Đa Ngư, Hòa Hiệp Nam, Đông Hòa, Phú Yên	25/03/2024	25/03/2025
18.	Nguyễn Thành Đức	16/04/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Ô1, Khu 2, Thị Trấn Chợ Gạo, Tiền Giang	25/03/2024	25/03/2025
19.	Phan Kim Ngân	15/05/1996	Bác Sĩ Y Khoa	184/1/19 Lê Thúc Hoạch, Tân Quý, Tân Phú, Tp. HCM	25/03/2024	25/03/2025
20.	Triệu Kim Ngân	19/08/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Tổ 3, Kp2, Xuân Trung, Long Khánh, Đồng Nai	25/03/2024	25/03/2025
21.	Thái Khánh Huyền	22/07/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Áp Long Thới B, Xã Long Thuận, Huyện Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp	25/03/2024	25/03/2025
22.	Đỗ Hồng Nhung	25/11/1999	Bác Sĩ Y Khoa	7/2 Áp Mỹ, Đại Điền, Thạnh Phú, Bến Tre	25/03/2024	25/03/2025
23.	Ong Sen Lái	09/12/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Trà Vôn B, Vĩnh Tân, Thị Xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	25/03/2024	25/03/2025
24.	Nguyễn Trường Giang	30/09/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Quới An, Vũng Liêm, Vĩnh Long	25/03/2024	25/03/2025
25.	Huỳnh Thị Tuyết Trinh	19/02/1999	Bác Sĩ Y Đa Khoa	Áp An Bình, Xã Hội An Đông, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	25/03/2024	25/03/2025
26.	Đỗ Nguyên Giao Ngân	15/04/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Tổ 2, Khu Phố 3, Phú Thủy, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	25/03/2024	25/03/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
27.	Phan Ngọc Hồ	09/12/1997	Bác Sĩ Y Khoa	209 Lê Duẩn, Phường 6, Thành Phố Tuy Hòa, Phú Yên	25/03/2024	25/03/2025
28.	Lê Minh Thuận	18/05/1999	Bác Sĩ Y Khoa	386 Phạm Văn Thuận, P. Trung Dũng, Tp Biên Hoà, T. Đồng Nai	25/03/2024	25/03/2025
29.	Lê Nguyễn Tiến Vinh	08/02/1999	Bác Sĩ Y Đa Khoa	185-189 Quang Trung, P10, Q. Gò Vấp, Tphcm	25/03/2024	25/03/2025
30.	Trần Anh Khoa	06/04/1999	Bác Sĩ Y Khoa	4/378 Đinh Tiên Hoàng ,Phường Thuận Lộc, Huế, Thừa Thiên Huế	25/03/2024	25/03/2025
31.	Phạm Thái Hùng	15/04/1999	Bác Sĩ Y Khoa	28b Nguyễn Văn Tố, P. Tân Thành, Q.Tân Phú, Tp.Hcm	25/03/2024	25/03/2025
32.	Phạm Thị Huỳnh Anh	22/09/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Áp Nhơn Thọ 1a, Xã Nhơn Ái, Huyện Phong Điền, Thành Phố Cần Thơ.	25/03/2024	25/03/2025
33.	Phan Huỳnh Châu Anh	24/07/1999	Bác Sĩ Y Khoa	358 Phạm Văn Đồng, Kp Long Bình Đông, P Xuân Phú, Tx Sông Cầu, Phú Yên	25/03/2024	25/03/2025
34.	Vương Ý Như	06/03/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Thạnh Xuân Đông, Hoài Hương , Hoài Nhơn , Bình Định	25/03/2024	25/03/2025
35.	Lê Thị Tuyết Sương	26/05/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Áp Mỹ Hiệp, Mỹ Hòa Hưng, Long Xuyên, An Giang	25/03/2024	25/03/2025
36.	Vũ Thế Quang	08/04/1999	Bác Sĩ Y Khoa	113/18, Đường 30/4, Khu 6, Tổ 8, Phường Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	25/03/2024	25/03/2025
37.	Nguyễn Lê Như Hào	26/01/1999	Bác Sĩ Y Khoa	120 Áp Quyết Thành, Xã Lộc Khánh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước	25/03/2024	25/03/2025
38.	Nguyễn Thị Thủy Trang	04/04/1999	Bác Sĩ Y Khoa	43/64/20 Vườn Lài, An Phú Đông, Quận 12, Tp Hcm	25/03/2024	25/03/2025
39.	Trần Tùng Lâm	08/05/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Kdc 22, Thạch Thang, Đức Phong, Mộ Đức, Quảng Ngãi.	25/03/2024	25/03/2025
40.	Nguyễn Tiến Đạt	22/09/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Thôn 7, Xã Hòa Bắc, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	25/03/2024	25/03/2025
41.	Kiều Thành Trung	19/02/1994	Bác Sĩ Y Đa Khoa	Phường Tân Giang, Thành Phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	25/03/2024	25/03/2025
42.	Lê Ngọc Ánh	11/09/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Thôn Liên Cơ, Xã Hòa Đông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk	25/03/2024	25/03/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
43.	Trần Thị Hồng Thi	04/08/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Thôn Vạn An, Xã Mỹ Châu, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định	25/03/2024	25/03/2025
44.	Đinh Thị Quỳnh Trang	07/01/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Áp Lý Hòa Hiệp, Xã Lý Nhơn, Huyện Cần Giờ, Thành Phố Hồ Chí Minh	25/03/2024	25/03/2025
45.	Trần Thị Thu Thảo	26/02/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Thôn Thăng Tiến 1, Xã Hòa An, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk	25/03/2024	25/03/2025
46.	Lý Mộng Trúc	17/01/1998	Bác Sĩ Y Khoa	Áp Bình Hòa, Xã Minh Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	25/03/2024	25/03/2025
47.	Nguyễn Thị Phương Linh	29/10/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Thôn Tân Lập, Xã Cư M'ta, Huyện M'đrắk, Tỉnh Đắk Lắk	25/03/2024	25/03/2025
48.	Nguyễn Thị Thanh Lam	27/11/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Tổ Dân Phố 6, Thị Trấn Ma Đa Guôi, Đạ Huoai, Lâm Đồng	25/03/2024	25/03/2025
49.	Trần Thị Bảo Trâm	29/03/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Áp Hòa Thịnh, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang	25/03/2024	25/03/2025
50.	Huỳnh Nguyễn Ngọc Trâm	11/10/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Tổ 20, Khu Phố 4, Phường Ghềnh Ráng, Thành Phố Quy Nhơn, Bình Định	25/03/2024	25/03/2025
51.	Đặng Văn Trí	17/08/1999	Bác Sĩ Y Khoa	14/3 Bến Cá, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hoà	25/03/2024	25/03/2025
52.	Lê Thị Hồng Thúy	23/01/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Thôn 3, Xã Ia Sol, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai	25/03/2024	25/03/2025
53.	Trần Việt Toàn	03/05/1999	Bác Sĩ Y Khoa	366 Áp 1, Xã Đạo Thạnh, Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang	25/03/2024	25/03/2025
54.	Đặng Lệ Quân	12/09/1998	Bác Sĩ Y Khoa	Khối 4, Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	25/03/2024	25/03/2025
55.	Đinh Thị Thuý Huyền	02/09/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Tổ 5, Khóm 1, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	25/03/2024	25/03/2025
56.	Lê Minh Hòa	05/02/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Thôn Tri C2, Xã Dliayang, Huyện Eahleo, Tỉnh Đắk Lắk	25/03/2024	25/03/2025
57.	Nguyễn Thoại Thư	26/04/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Tổ Dân Phố 5, Thị Trấn Eadrang, Huyện Eahleo, Tỉnh Đắk Lắk	25/03/2024	25/03/2025
58.	Lê Thị Thu Hương	02/08/1999	Bác Sĩ Y Khoa	474 Áp Phú Lợi, Xã Phú Lễ, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre	25/03/2024	25/03/2025
59.	Đoàn Thành Đạt	11/10/1998	Bác Sĩ Y Khoa	Số Nhà 13, Tổ 4, Áp 8, Xã Tân Hiệp, Huyện Hớn	25/03/2024	25/03/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
				Quản, Tỉnh Bình Phước		
60.	Trần Lê Xuân Trúc	12/01/1999	Bác Sĩ y Khoa	Thôn Mỹ Tường 2, xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	15/4/2024	15/4/2025
61.	Nguyễn Ngọc Ly Phương	29/09/1999	Bác Sĩ y Khoa	Thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	15/4/2024	15/4/2025
62.	Trần Thị Dung	04/06/1999	Bác Sĩ y Khoa	Thôn Tân Tiến, xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	15/4/2024	15/4/2025
63.	Trà Quang Nhật Trình	19/09/1999	Bác Sĩ y Khoa	Thôn Đại An, xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	15/4/2024	15/4/2025
64.	Nguyễn Thanh Phong	13/11/1999	Bác sĩ y khoa	Mỹ Đức, Bình Mỹ, Bắc Tân Uyên, Bình Dương	15/4/2024	15/4/2025
65.	Dương Minh Tâm	16/11/1998	Bác sĩ y khoa	Khóm 3, Thị Trấn Châu Thành, Châu Thành, Trà Vinh	15/4/2024	15/4/2025
66.	Trương Nhật Quang	14/07/19 99	Bác sĩ y khoa	Ấp Trường Thành A , xã Trường Khánh ,Long Phú ,Sóc Trăng	15/4/2024	15/4/2025
67.	Lê Nguyễn Thảo Trân	02/07/1999	Bác sĩ y khoa	Bình Long 3, Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, An Giang	15/4/2024	15/4/2025
68.	Trần Thị Thảo Uyên	14/03/1999	Bác sĩ y khoa	649/57/9B Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	15/4/2024	15/4/2025
69.	Trần Đức Vĩnh	14/02/1999	Bác sĩ y khoa	Xóm 5, xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	15/4/2024	15/4/2025
70.	Lê Trần Hậu Ti Na	28/06/1999	Bác sĩ y khoa	134 Cao Bá Quát, tổ 1, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	15/4/2024	15/4/2025
71.	Phạm Quốc Khánh	02/09/1999	Bác sĩ y khoa	Thôn Hoà Thuận, Tịnh Hoà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	15/4/2024	15/4/2025
72.	Đặng Ngọc Linh	03/07/1995	Bác sĩ y khoa	Thường trú: 123/47, tổ 56, Khu phố 4, Phường Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.	15/4/2024	15/4/2025
73.	Bùi Xuân Huy	28/09/1999	Bác sĩ y khoa	Thường trú: 501A Phạm Văn Đồng, phường Đồng Đa, tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai.	15/4/2024	15/4/2025
74.	Nguyễn Quốc Trung	14/07/1999	Bác sĩ y khoa	Thường trú: 31 tổ 5, ấp 6, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.	15/4/2024	15/4/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
75.	Tạ Phạm Minh Thư	11/10/1999	Bác sĩ y khoa	Thường trú: 198/16 Lê Văn Phẩm , phường 5, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	15/4/2024	15/4/2025
76.	Bùi Lê Uyên	18/10/1999	Bác sĩ y khoa	267 ấp chợ, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	15/4/2024	15/4/2025
77.	Nguyễn Thị Quỳnh Như	27/01/1999	Bác sĩ y Khoa	ấp Đông Nhi, Tân Chánh , Cần Đước , Long An	15/4/2024	15/4/2025
78.	Bùi Ngọc Phúc	19/01/1997	Bác sĩ y khoa	Tổ 23B, khu phố 5, Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn, Bình Định	15/4/2024	15/4/2025
79.	Nguyễn Hồng Cao Nguyên	19/03/1998	Bác sĩ y khoa	182/25/1 lê văn sỹ, phường 10, Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh	15/4/2024	15/4/2025
80.	Võ Thị Thuý Hương	15/09/1999	Bác sĩ y khoa	Phú Tây, Phú Long, Phú Tân, An Giang	15/4/2024	15/4/2025
81.	Lư Ngọc Thúy Vy	24/11/1999	Bác sĩ y khoa	Tân An, Tân Phong, Cai Lậy, Tiền Giang	15/4/2024	15/4/2025
82.	Đoàn Lê Thy	16/12/1999	Bác sĩ y khoa	Bình Thuận, Thị trấn Bình Đại, Bình Đại, Bến Tre	15/4/2024	15/4/2025
83.	Nguyễn Hoàng Tân	24/02/1999	Bác sĩ y khoa	Hưng Nhơn, Long Hưng B, Lấp Vò, Đồng Tháp	15/4/2024	15/4/2025
84.	Nguyễn Huy Minh Quân	30/10/1995	Bác sĩ y khoa	Khối 2, phường Thu Thủy, thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	20/5/2024	20/5/2025
85.	Nguyễn Bá Tường	11/11/1999	Bác sĩ y khoa	Thôn Bình Lâm, Xã Phước Hòa, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định	20/5/2024	20/5/2025
86.	Nguyễn Xuân Đức	13/09/1999	Bác sĩ y khoa	Thôn Mỹ Phú Nam, xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	20/5/2024	20/5/2025
87.	Nguyễn Nhật Đông	28/12/1997	Bác sĩ y khoa	Thôn Nam Định, xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	20/5/2024	20/5/2025
88.	Võ Trọng Khiêm	27/07/1999	Bác sĩ Y khoa	Thôn Bình Thành, Ninh Bình, Ninh Hòa, Khánh Hòa	20/5/2024	20/5/2025
89.	Võ Lê Hồng Anh	12/07/1999	Bác sĩ Y khoa	Ấp Hoà Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	20/5/2024	20/5/2025
90.	Trần Hữu Ngọc Duy	01/09/1999	Bác sĩ Y khoa	651/6c An Phú Đông, Q12, TPHCM	20/5/2024	20/5/2025
91.	Nguyễn Thanh Phương Trúc	11/02/1998	Bác sĩ Y khoa	Phường Đông Xuyên, Thành phố Long Xuyên, An Giang	20/5/2024	20/5/2025
92.	Nguyễn Việt Tùng	13/05/1999	Bác sĩ Y khoa	Thôn 3, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	20/5/2024	20/5/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
93.	Lê Ngọc Thơ	22/05/1998	Bác sĩ Y khoa	1/27B, đường Mậu Thân, phường An Hoà, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	20/5/2024	20/5/2025
94.	Nguyễn Thị Thu Hà	08/10/1999	Bác sĩ Y khoa	thôn Tế Quan, xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	20/5/2024	20/5/2025
95.	Đặng Thị Mai Trinh	13/08/1998	Bác sĩ Y đa khoa	Áp Phú Thuận A, Xã Phú Lâm, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	20/5/2024	20/5/2025
96.	Lê Hồng Nhơn	28/09/1999	Bác sĩ Y khoa	Thôn Vân Hòa, Xã Triệu Hòa, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị	20/5/2024	20/5/2025
97.	Phạm Khánh Vinh	06/01/1999	Bác sĩ Y khoa	Thôn Phú Quý, Xã Vụ Bản, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk	20/5/2024	20/5/2025
98.	Trịnh Thị Như Quỳnh	12/09/1999	Bác sĩ Y khoa	Áp 1, Xã Phú Lộc, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai	20/5/2024	20/5/2025
99.	Huỳnh Thúy Ái	22/02/1999	Bác sĩ y khoa	Áp Cá Lóc, xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	20/5/2024	20/5/2025
100	Hà Quý Trọng	16/07/1997	Bác sĩ y khoa	Thôn EaKrái. Xã Dliêya, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	20/5/2024	20/5/2025
101	Nguyễn Thanh Ngân	26/10/1999	Bác sĩ y khoa	ấp 7, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	20/5/2024	20/5/2025
102	Võ Quang Hùng	12/06/1997	Bác sĩ Y khoa	92/32 Trần Mai Ninh, Phường 12, Quận Tân Bình, TPHCM	20/5/2024	20/5/2025
103	Lê Thanh Sơn	14/06/1997	Bác sĩ y khoa	Áp Tân Chánh A, xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An	20/5/2024	20/5/2025
104	Mai Phương Thảo	15/06/1997	Bác sĩ y khoa	1155/114, Ấp Tân Bình, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	20/5/2024	20/5/2025
105	Huỳnh Tố Quyên	14/05/1999	Bác sĩ y khoa	Áp Hàng Còng, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	20/5/2024	20/5/2025
106	Võ Thị Hồng Ngọc	11/9/1999	Bác sĩ y khoa	Tổ 1 khu phố Xuân Lộc phường Tân Xuân TP Đồng Xoài Bình Phước	20/5/2024	20/5/2025
107	Nguyễn Vũ Kha	29/01/1998	Bác sĩ y khoa	Áp Ninh Thành Xã Ninh Quới A Huyện Hồng Dân tỉnh Bạc Liêu	20/5/2024	20/5/2025
108	Nguyễn Ngọc Lan	28/07/1999	Bác sĩ Y khoa	394/6 Minh Phụng, Phường 09, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	17/06/2024	17/06/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
109	Nguyễn Thị Bảo Châu	12/3/1999	Bác sĩ Y khoa	315/6 ấp Thanh Phú, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.	17/06/2024	17/06/2025
110	Lê Thanh Sỹ	22/10/1998	Bác sĩ Y khoa	Xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk	17/06/2024	17/06/2025
111	Hoàng Trần Hà My	11/03/1999	Bác sĩ Y khoa	175/3 Linh Trung, Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM	17/06/2024	17/06/2025
112	Hoàng Việt Đức	09/07/1998	Bác sĩ Y khoa	373/85 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TPHCM	17/06/2024	17/06/2025
113	Trần Bùi Kiều Quang	18/10/1999	Bác sĩ Y khoa	167 Tăng Bạt Hổ, Phường Lê Lợi, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	17/06/2024	17/06/2025
114	Lê Văn	02/05/1999	Bác sĩ Y khoa	tổ 3 ấp Hòn Chông, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang,	17/06/2024	17/06/2025
115	Nguyễn Thiện Toàn	22/11/1999	Bác sĩ y khoa	Tổ 2, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	22/7/2024	22/7/2025
116	Trần Đình Phước Hậu	30/10/1995	Bác sĩ y khoa	3B, Nguyễn Sĩ Cốc, P15, Q8, TPHCM.	22/7/2024	22/7/2025
117	Lê Đan Ta	13/07/1998	Bác sĩ y khoa	Số 122, ấp Phước Lộc A, xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh	22/7/2024	22/7/2025
118	Dương Anh Thy	10/10/1994	Bác sĩ y khoa	92/2A Nguyễn Hồng, Phường 11, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	19/8/2024	19/8/2025
119	Trần Vĩnh Tài	23/08/1986	Bác sĩ y khoa	17B Đường Số 27, P. Sơn Kỳ, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	19/8/2024	19/8/2025
120	Đặng Bảo Đăng	12/09/1995	Bác sĩ y khoa	482/48G Lê Quang Định, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	19/8/2024	19/8/2025
121	Bùi Văn Tuấn	01/06/2000	Bác sĩ y khoa	185 YWang, phường EaTam, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	19/8/2024	19/8/2025
122	Phạm Văn Hưng	15/11/1999	Bác sĩ y khoa	Thôn 4- Nga Thái- Nga Sơn- Thanh Hoá	19/8/2024	19/8/2025
123	Trần Quý Tịnh	13/04/2000	Bác sĩ y khoa	Ấp Nguyễn Lộc, Xã Hậu Thạnh Đông, Huyện Tân Thạnh, Tỉnh Long An,	19/8/2024	19/8/2025
124	Đặng Nhựt Vinh	29/05/1999	Bác sĩ y khoa	72a, ấp Phú Phong, xã Quới Thành, huyện Châu Thành, Bến Tre	19/8/2024	19/8/2025
125	Hoàng Kim Dung	16/07/1999	Bác sĩ Y khoa	Thôn 9, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng	19/8/2024	19/8/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
126	Vũ Thị Vân Anh	19/03/2000	Bác sĩ Y khoa	424 Nguyễn Bính, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	19/8/2024	19/8/2025
127	Trần Ngọc Lan Anh	22/10/2000	Bác sĩ Y khoa	46 đường 8, Linh Trung, Tp. Thủ Đức, TP. HCM	19/8/2024	19/8/2025
128	Lý Huỳnh Tiến Trung	09/10/1994	Bác sĩ y khoa	149/64/1A KP4, P. Tân Thới Nhất, Q.12, TP.HCM	19/8/2024	19/8/2025
129	Trần Triệu Phong	17/10/1994	Bác sĩ y khoa	40/17/12 Nguyễn Văn Đậu phường 6 quận Bình Thạnh	19/8/2024	19/8/2025
130	Nguyễn Ngọc Xuân Tiên	26/12/1999	Bác sĩ y khoa	ấp Hồi Xuân, xã Xuân Hiệp, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	19/8/2024	19/8/2025
131	Bùi Phú Sang	17/04/2000	Bác sĩ y khoa	Ấp Long Hưng, Xã Lục Sĩ Thành, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long	19/8/2024	19/8/2025
132	Nguyễn Ngọc Thiện	11/01/2000	Bác sĩ y khoa	111 ấp 1 xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	19/8/2024	19/8/2025
133	Lê Thị Nghĩa Em	01/01/1987	Bác Sĩ Y Đa Khoa	Ấp Giồng Nâu, Xã Nhuận Phú Tân, Huyện Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre.	19/8/2024	19/8/2025
134	Huỳnh Thái Trân	07/09/2000	Bác sĩ y khoa	36 Ngô Quyền khóm 2 Phường 1 TP Sóc Trăng	19/8/2024	19/8/2025
135	Võ Trần Thủy Ngân	11/03/2000	Bác sĩ Y khoa	Thôn 2, Đa Lộc, Đồng Xuân, Phú Yên	19/8/2024	19/8/2025
136	Trần Thị Kim Vang	27/08/2000	Bác Sĩ Y Khoa	Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	19/8/2024	19/8/2025
137	Dương Khải Minh	25/06/2000	Bác Sĩ Y Khoa	45, tổ 3, ấp Thuận Nam, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	19/8/2024	19/8/2025
138	Nguyễn Lê Ngọc Huyền	12/06/2000	Bác sĩ y khoa	Thôn Phước Lộc 2, xã Ea Phê, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk	23/9/2024	23/9/2025
139	Phạm Minh Thúy Diễm	18/04/2000	Bác sĩ y khoa	Thôn 1, xã IaHlốp, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	23/9/2024	23/9/2025
140	Nguyễn Hồng Yến	22/06/2000	Bác sĩ y khoa	Thôn 7, xã Đăk Tô Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum	23/9/2024	23/9/2025
141	Bùi Nguyễn Thu Quyên	28/03/2000	Bác sĩ y khoa	Thôn eatut, Thị trấn Pongdrang, Huyện KrôngBúk, Tỉnh Đắk Lắk	23/9/2024	23/9/2025
142	Trần Thị Kiều Diễm	13/02/2000	Bác sĩ Y khoa	Thôn 8 - Tân Lâm - Di Linh - Lâm Đồng	23/9/2024	23/9/2025
143	Hồ Thị Kim Hiền	16/08/2000	Bác sĩ Y khoa	Thôn Tân Bình - Xuân Sơn Bắc - Đồng Xuân -Phú Yên	23/9/2024	23/9/2025
144	Nguyễn Thị Thanh Hoa	06/01/2000	Bác sĩ Y khoa	Tổ 2 - Thị xã An Khê - Tỉnh Gia Lai	23/9/2024	23/9/2025
145	Nguyễn Thị Thùy Trang	10/03/2000	Bác sĩ Y khoa	TDP Sông Vệ- Thị trấn Sông Vệ - Tư Nghĩa- Quảng	23/9/2024	23/9/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
				Ngãi		
146	Lê Thụy Trinh	23/07/2000	Bác sĩ Y khoa	Quảng Đại - Đại Cường - Đại Lộc - Quảng Nam	23/9/2024	23/9/2025
147	Bùi Đông Nam	12/09/2000	Bác Sĩ y Khoa	thôn Phú Hưng, xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	23/9/2024	23/9/2025
148	Nguyễn Thị Tâm Giao	04/05/2000	Bác Sĩ y Khoa	Tổ 23, An Khê, Thanh Khê, Đà Nẵng	23/9/2024	23/9/2025
149	Đào Ngọc Tùng	18/01/2000	Bác Sĩ y Khoa	Thôn Thanh Xuân, xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	23/9/2024	23/9/2025
150	Trần Thị Mỹ Linh	10/09/1999	Bác Sĩ y Khoa	Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định	23/9/2024	23/9/2025
151	Nguyễn Diệu Linh	08/10/2000	Bác Sĩ y Khoa	Thôn Chính, xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	23/9/2024	23/9/2025
152	Nguyễn Anh Đức Vượng	29/11/2000	Bác Sĩ y Khoa	19 Nguyễn Thanh Tuyền, P2, Q. Tân Bình	23/9/2024	23/9/2025
153	Hồ Nhật Thanh Uyên	13/10/2000	Bác Sĩ y Khoa	120/10 Hẻm 249 Tân Kỳ Tân Quý, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú	23/9/2024	23/9/2025
154	Trần Ngọc Thanh Hương	21/11/2000	Bác Sĩ Y Khoa	180/28 CMT8, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	23/9/2024	23/9/2025
155	Phan Nguyễn Trúc Quỳnh	11/09/2000	Bác sĩ Y Khoa	03A7 Khu phố 11, Phường Tân Phong, TP. Biên Hoà, Đồng Nai	23/9/2024	23/9/2025
156	Nguyễn Hồ Thanh Thuý	14/01/2000	Bác sĩ Y Khoa	Số nhà 21, đường C4, ấp Thọ Chánh, Xuân Thọ, Xuân Lộc, Đồng Nai	23/9/2024	23/9/2025
157	Nguyễn Hoài Thương	09/04/2000	Bác sĩ y khoa	Tổ 2, ấp Cả Ngay, Phú Lợi, Giang Thành, Kiên Giang	23/9/2024	23/9/2025
158	Kim Ngọc Tài	10/01/2000	Bác sĩ y khoa	Áp Đồn Điền, xã Tân Sơn, Huyện Trà Cú, tỉnh, Trà Vinh	23/9/2024	23/9/2025
159	Huỳnh Quang Cát Tường	18/10/2000	Bác sĩ y khoa	Khóm 3, phường 8 thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	23/9/2024	23/9/2025
160	Ôn Vi Trinh	26/09/1999	Bác sĩ y khoa	Áp Phước An, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	23/9/2024	23/9/2025
161	Phạm Ngọc Thảo	27/01/2000	Bác sĩ Y Khoa	Áp 5, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	23/9/2024	23/9/2025
162	Ngô Công Luân	11/09/2000	Bác sĩ Y Khoa	68/12 Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, Biên Hoà, Đồng Nai	23/9/2024	23/9/2025
163	Nguyễn Châu Hiền	10/01/2000	Bác sĩ Y Khoa	569 ấp 6, Thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	23/9/2024	23/9/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
164	Nguyễn Ngọc Hiếu	20/12/2000	Bác sĩ Y Khoa	74/3 Nguyễn Cừ, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	23/9/2024	23/9/2025
165	Nguyễn Minh Hiếu	26/02/1998	Bác sĩ Y Khoa	1/2A Hoàng Diệu, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	23/9/2024	23/9/2025
166	Huỳnh Nguyễn Trúc Phương	30/05/2000	Bác sĩ Y khoa	70/7 Nguyễn Công Trứ, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	28/10/2024	28/10/2025
167	Trần Hoàng Long	16/03/2000	Bác sĩ Y khoa	27/99 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	28/10/2024	28/10/2025
168	Cổ Thị Mai Uyên	29/08/2000	Bác sĩ Y khoa	46/6 Trần Quý Khoách, phường Tân Định, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	28/10/2024	28/10/2025
169	Trần Ngọc Nhật Nam	17/03/2000	Bác sĩ Y khoa	69 đường Đồng Khởi, KP8, phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai	28/10/2024	28/10/2025
170	Nguyễn Thanh Tú	30/07/1999	Bác sĩ Y khoa	117/2 Dương Văn Dương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	28/10/2024	28/10/2025
171	Huỳnh Hoàng An	15/03/1984	Bác sĩ Y khoa	149/43/2 Bành Văn Trân, p7, quận Tân Bình, HCM	28/10/2024	28/10/2025
172	Nguyễn Vương Minh Châu	26/01/1999	Bác sĩ Y khoa	499, đường Lê Đức Thọ, p16, quận Gò Vấp, TPHCM	28/10/2024	28/10/2025
173	Nguyễn Thụy Ngọc Trâm	23/09/1980	Bác sĩ Y khoa	681 Phan Văn Trị, p7, Gò Vấp, TpHCM	28/10/2024	28/10/2025
174	Vũ Đình Giáp	02/11/1999	Bác sĩ Y khoa	Tổ 8, Khu Ga Thị trấn Đồng Đăng, Cao Lộc, Lạng Sơn	28/10/2024	28/10/2025
175	Lê Thị Tiểu Hương	26/06/2000	Bác sĩ y khoa	Buôn chàm A, Xã Cưdrăm, Huyện Krông Bông, Tỉnh Đắk Lắk	28/10/2024	28/10/2025
176	Nguyễn Thị Huyền Trân	16/11/2000	Bác sĩ y khoa	Vĩnh Hậu, An Phú, An Giang	28/10/2024	28/10/2025
177	Nguyễn Thị Bích Ngân	29/11/2000	Bác sĩ y khoa	Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Bình Thuận	28/10/2024	28/10/2025
178	Nguyễn Thanh Tùng	26/07/1999	Bác sĩ y khoa	280 Khánh Hội, p2, Quận 4, TpHCM	28/10/2024	28/10/2025
179	Trần Ngọc Như Ý	14/05/2000	Bác sĩ Y khoa	Khu phố 7, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước	28/10/2024	28/10/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
180	Đặng Vũ Bảo Trân	26/03/2000	Bác sĩ Y khoa	7/6/6H Thành Thái, phường 14, quận 10, TPHCM	28/10/2024	28/10/2025
181	Trần Ngọc Trúc	28/02/2000	Bác sĩ Y khoa	Ấp 2B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	28/10/2024	28/10/2025
182	Lâm Như Ý	15/12/2000	Bác sĩ Y khoa	Khóm 5, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	28/10/2024	28/10/2025
183	Nguyễn Mạnh Trường Dũng	24/09/2000	Bác sĩ Y khoa	88/69/36 Nguyễn Văn Quỳ, phường Phú Thuận, Quận 7, TPHCM	28/10/2024	28/10/2025
184	Huỳnh Thị Như Ngà	16/12/2000	Bác sĩ y khoa	Tân Hội, Tân Hiệp, Kiên Giang	28/10/2024	28/10/2025
185	Đặng Võ Tuyền	28/01/2000	Bác sĩ y khoa	Ấp Vĩnh Nguyên, xã Vĩnh Châu A, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An	28/10/2024	28/10/2025
186	Nguyễn Duy Trường	25/09/2000	Bác sĩ y khoa	Ấp Thành Hóa 1, xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	28/10/2024	28/10/2025
187	Đoàn Ngọc Thúy Vuy	24/10/2000	Bác sĩ y khoa	Ấp Hiệp Thành, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	28/10/2024	28/10/2025
188	Nguyễn Khánh An	17/08/2000	Bác sĩ y khoa	22/22 Đỗ Thúc Tịnh phường 12 quận Gò Vấp, tp. HCM	28/10/2024	28/10/2025
189	Đinh Ngọc Hạnh	28/03/1999	Bác sĩ y khoa	55/1 Gia Yên, Gia Tân 3, Thống Nhất, Đồng Nai	28/10/2024	28/10/2025
190	Đoàn Quang Hưng	26/03/2000	Bác sĩ y khoa	47/42/27F Bùi Đình Túy, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP HCM	28/10/2024	28/10/2025
191	Nguyễn Hoài Thương	18/06/2000	Bác sĩ y khoa	xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	28/10/2024	28/10/2025
192	Nguyễn Hiếu Hạnh	10/04/2000	Bác sĩ y khoa	525/10A Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, TP HCM	28/10/2024	28/10/2025
193	Nguyễn Đức Lộc	26/9/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Lk 66 Kqh yersin, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng	25/11/2024	25/11/2025
194	Đào Thị Cẩm Thi	01/01/2000	Bác Sĩ Y Khoa	Ấp Thân Hòa, Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành, Tiền Giang	25/11/2024	25/11/2025
195	Nguyễn Thanh Minh	20/05/2000	Bác Sĩ Y Khoa	50 Lý Thường Kiệt, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum	25/11/2024	25/11/2025
196	Nguyễn Đắc Thanh Long	10/11/2000	Bác sĩ Y Khoa	Ấp Thới Bình, Thới Sơn, Thành phố Mỹ Tho, Tiền	25/11/2024	25/11/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
				Giang		
197	Nguyễn Lương Vy Hạ	06/12/2000	Bác sĩ Y Khoa	Mỹ Phú, Hòa Thịnh, Tây Hòa, Phú Yên	25/11/2024	25/11/2025
198	Lý Trịnh Nghĩa Nhân	07/06/2000	Bác sĩ Y Khoa	10 lô F, Khóm 10, Phường 1, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	25/11/2024	25/11/2025
199	Trần Nguyễn Quốc Việt	01/12/2000	Bác sĩ Y khoa	Tổ 5, Ấp 2A, Phước Hòa, Phú Giáo, Bình Dương	25/11/2024	25/11/2025
200	Nguyễn Đức Tuấn	02/11/1999	Bác Sĩ Y Khoa	A2.13.06 Chung cư Era KP2, Phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	25/11/2024	25/11/2025
201	Lê Thị Phương Linh	02/12/2000	Bác sỹ Y khoa	Thôn An Hoà, xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	25/11/2024	25/11/2025
202	Nguyễn Vương Huy Anh	12/09/1999	Bác sỹ Y khoa	248 Nguyễn Sơn, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, TPHCM	25/11/2024	25/11/2025
203	Huỳnh An Khương	12/01/1992	Bác Sĩ Y Khoa	68 Đỗ Đức Dục, Phú Thọ Hoà, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	25/11/2024	25/11/2025
204	Đỗ Thu Trà	25/11/2000	Bác Sĩ Y Khoa	Tường An, Mỹ Quang, Phù Mỹ, Bình Định	25/11/2024	25/11/2025
205	Nguyễn Đức Long	26/9/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Lk 66 Kqh yersin, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng	25/11/2024	25/11/2025
206	Nguyễn Trường Khả	20/12/2000	Bác sĩ Y Khoa	Lâm Thượng, Đức Phong, Mộ Đức, Quảng Ngãi	25/11/2024	25/11/2025
207	Nguyễn Phi Anh	20/01/1999	Bác sĩ Y Khoa	26/59 Trần Quý Cáp, phường 11, quận Bình Thạnh, TPHCM	25/11/2024	25/11/2025
208	Bùi Công Tuấn Anh	20/08/1999	Bác sĩ Y Khoa	Khu phố Điều Trì, Tuy Phước, Bình Định	25/11/2024	25/11/2025
209	Nguyễn Lê Kim Như	07/07/2000	Bác sĩ Y Khoa	Khóm 1, Phường 1, Thị xã Duyên Hải, Trà Vinh	25/11/2024	25/11/2025
210	Lê Quỳnh Nhi	10/08/2000	Bác sĩ Y Khoa	Khu phố I, phường I, Thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị	25/11/2024	25/11/2025
211	Trương Ái Linh	19/11/2000	Bác sĩ Y Khoa	F11 Khu phố 5, phường Thới An, quận 12, TpHCM	25/11/2024	25/11/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
212	Hoàng Đức Nghĩa	23/12/2000	Bác sĩ Y Khoa	32 Hạnh Thông, phường 03, quận Gò Vấp, TPHCM	25/11/2024	25/11/2025
213	Hà Nguyễn Duy Khánh	21/03/2000	Bác sĩ Y Khoa	Tổ 11, khu phố 1, Phú Trinh, TP Phan Thiết, Bình Thuận	25/11/2024	25/11/2025
214	Tô Quốc Việt	10/07/1999	Bác sĩ Y Khoa	Tổ 1, Ấp Tân Bình, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	25/11/2024	25/11/2025
215	Lương Nguyễn Phục Trinh	18/01/2000	Bác sĩ Y Khoa	Ấp Mỹ An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	25/11/2024	25/11/2025
216	Võ Dương Gia Thiên	08/03/2000	Bác sĩ Y Khoa	D5/2D Ấp 4, Lê Minh Xuân, Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh	25/11/2024	25/11/2025
217	Trần Thị Hoài	13/11/1992	Bác sĩ Y Khoa	Trung Thành, Vụ Bản, Nam Định	25/11/2024	25/11/2025
218	Nguyễn Duy Chung	22/04/2000	Bác sĩ Y Khoa	2099 Huỳnh Tấn Phát, kp6, thị trấn Nhà Bè, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh	25/11/2024	25/11/2025
219	Phạm Phước Điền	07/04/2000	Bác Sĩ Y Khoa	16 Đường số 2, Khu Nhà Ở Khiêm Khải, phường 5, quận 8, TP. Hồ Chí Minh	25/11/2024	25/11/2025
220	Trần Doãn Hào	18/10/2000	Bác Sĩ Y Khoa	Tổ 7 Khu phố 2, phường Xuân An, Thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	25/11/2024	25/11/2025
221	Trần Quý Nguyên Khôi	04/09/2000	Bác Sĩ Y Khoa	77/7 Nguyễn Thi Phường 13 Quận 5 Thành Phố Hồ Chí Minh	25/11/2024	25/11/2025
222	Bùi Trọng Nghĩa	08/02/1999	Bác Sĩ Y Khoa	Q2, Đường F, Khu phố 5, Phường Đông Hưng Thuận, TP.HCM	25/11/2024	25/11/2025
223	Vũ Tất Thành	16/12/2000	Bác sĩ y khoa	Thị trấn Liên Hương, Tuy Phong, Bình Thuận	16/12/2024	16/12/2025
224	Đình Công Hào	9/3/1999	Bác sĩ đa khoa	Số 9, đường chợ số 4, tổ 22, khu phố 5, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	16/12/2024	16/12/2025
225	Nguyễn Hữu Kỳ	12/11/2000	Bác sĩ y khoa	Cẩm Thịnh, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	16/12/2024	16/12/2025
226	Trần Vũ Tuấn	22/12/1999	Bác sĩ y khoa	KP Lại Khánh Tây, Hoài Đức, Thị xã Hoài Nhơn, Bình Định	16/12/2024	16/12/2025
227	Nguyễn Hồng An	16/10/2000	Bác sĩ Y khoa	170 Trần Nguyên Hãn, phường 8, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang	16/12/2024	16/12/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
228	Lê Đình Nguyên Anh	23/09/2000	Bác sĩ y khoa	534C Lê Văn Sỹ Phường 14 Quận 3 TP.Hồ Chí Minh	16/12/2024	16/12/2025
229	Trần Phú Thăng	01-01-2000	Bác sĩ y khoa	Triệu Tài, Triệu Phong, Quảng Trị	16/12/2024	16/12/2025
230	Trần Thị Duyên	01/03/1999	Bác sĩ y khoa	Thôn 3, Đông Yên, Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	16/12/2024	16/12/2025
231	Nguyễn Minh Thoại	31/08/1999	Bác sĩ Y Khoa	Thôn Xuân Quang – Thị trấn Chợ Lầu – Huyện Bắc Bình – Tỉnh Bình Thuận	16/12/2024	16/12/2025
232	Ngô Thị Kim Phương	05/04/2000	Bác sĩ đa khoa	Số 16, đường 11, KP 1, Phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TPHCM	16/12/2024	16/12/2025
233	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	17/09/2000	Bác sĩ đa khoa	38/16 Phạm Văn Chiêu, phường 13, Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh	16/12/2024	16/12/2025
234	Dương Ngọc Minh Tâm	12/11/2000	Bác sĩ y khoa	2/20 Tăng Bạt Hổ, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	16/12/2024	16/12/2025
235	Nguyễn Huỳnh Thảo Uyên	18/07/1997	Bác sĩ đa khoa	68/14 Chu Văn An, P.26, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	16/12/2024	16/12/2025
236	Sử Thanh Sơn	20/11/2000	Bác sĩ đa khoa	7/4 Tổ 18, ấp 2 Đông Thạnh, Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh	16/12/2024	16/12/2025
237	Trần Công Huy	29/05/1998	Bác sĩ y khoa	Phú Hiệp- Cát tài- Phù Cát – Bình Định	16/12/2024	16/12/2025
238	Lê Phước Thọ	01/10/1999	Bác sĩ y khoa	54/11 Lê Văn Lương, Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM	16/12/2024	16/12/2025
239	Nguyễn Phạm Phương Thảo	25/02/2000	Bác sĩ Y khoa	766/44 Lạc Long Quân, P.9, Q. Tân Bình, TP.HCM	16/12/2024	16/12/2025
240	Lê Khắc Duy	22/09/2000	Bác sĩ y khoa	468/32/12 Nguyễn Tri Phương, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	16/12/2024	16/12/2025
241	Vũ Việt Anh	13/12/2000	Bác sĩ y khoa	14/1 TL47, phường Thạnh Lộc, quận 12, TPHCM	16/12/2024	16/12/2025
242	Nguyễn Lê Bảo Anh	21/04/2000	Bác sĩ y khoa	111/10 Đường Trục, Khu phố 46, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh	13/1/2025	13/1/2026
243	Dương Thu Thảo	27/11/2000	Bác sĩ y khoa	243/93 Hoàng Diệu, khu phố 13, phường Khánh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh	13/1/2025	13/1/2026
244	Lương Thị Ngọc Huỳnh	27/12/1999	Bác sĩ y khoa	Khu Phố Thác Mơ 1, Phường Phước Long, Tỉnh Đồng Nai	13/1/2025	13/1/2026
245	Nguyễn Hoàng Mỹ Linh	06/05/2000	Cử nhân điều dưỡng	453A, Tổ 32, Khu phố 3, phường Hiệp Thành, Quận	15/4/2024	15/10/2024

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
				12, TPHCM		
246	Trần Hồng Hiếu Hạnh	06/06/2001	Cử nhân điều dưỡng	130/22 Nghĩa Phát, phường 7, quận Tân Bình	15/4/2024	15/10/2024
247	Lê Phạm Phương Quỳnh	08/11/1996	Cao đẳng điều dưỡng	30/1, kp3, phường Tân Hưng Thuận, q12, TPHCM	15/4/2024	15/10/2024
248	Phạm Nguyễn Phương Trang	10/05/2001	Cử nhân điều dưỡng	47/21 Bùi Đình Túy, Phường 24, Quận Bình Thạnh TP.HCM	15/4/2024	15/10/2024
249	Ma Xoang	14/07/1996	Cử nhân điều dưỡng	54 Đạ Ròn, D'Ròn, Đơn Dương, Lâm Đồng	3/6/2024	3/12/2024
250	Phạm Thị Kim Hường	24/09/2000	Cử nhân điều dưỡng	Ấp Hậu Phú 1, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	3/6/2024	3/12/2024
251	Dương Thị Phi Nhung	24/01/2000	Cử nhân điều dưỡng	328/26 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, TPHCM	3/6/2024	3/12/2024
252	Nguyễn Thị Hào	16/08/2001	Cao đẳng điều dưỡng	Thôn Đại Hào, Triệu Đại, Triệu Phong, Quảng Trị	3/6/2024	3/12/2024
253	Kiều Sơn Lâm	14/08/2002	Cao đẳng điều dưỡng	398/13 Vườn Lài, An Phú Đông, quận 12, TPHCM	3/6/2024	3/12/2024
254	Ka - Rích	25/07/2001	Cử nhân Điều dưỡng	Số 107, thôn 4, Đình Trang Hòa, Di Linh, Lâm Đồng	17/06/2024	17/12/2024
255	Lý Thị Thu Hằng	02/09/2002	Cao đẳng điều dưỡng	số nhà 50 , đường 675 , Ấp Phước An, Phước Thạnh, Củ Chi , HCM	15/7/2024	15/01/2025
256	Đỗ Huỳnh Nhật Anh	22/09/1999	Cử nhân Điều dưỡng	74/3 đường 27 p Hiệp Bình Chánh quận thủ Đức thành phố hồ chí minh	15/7/2024	15/01/2025
257	Nguyễn Hoàng Anh Thư	14/08/2001	Cử nhân Điều dưỡng	217 Ngô Gia Tự, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà	15/7/2024	15/01/2025
258	Nguyễn Thị Cẩm Ly	28/10/2001	Cao đẳng điều dưỡng	310/6 Phạm Văn Chiêu, F9, Gò Vấp	15/7/2024	15/01/2025
259	Lê Huỳnh Thuý Vy	22/10/2000	Cử nhân Điều dưỡng	18/B KP Thái Bình 1, Phường Long Bình, TP.Thủ Đức, TP.HCM	15/7/2024	15/01/2025
260	Phạm Thùy Dương	12/02/1999	Cao đẳng điều	63/14/5 Lê văn Sỹ phường 13 quận Phú Nhuận	19/08/2024	19/02/2025

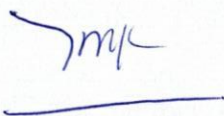
STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
			đưỡng	TpHCM		
261	Nguyễn Minh Tiến	29/08/2000	Cử Nhân Điều Dưỡng	482/10/5/2 Nơ Trang Long,P.13,Q.Bình Thạnh,Tp.Hồ Chí Minh	19/08/2024	19/02/2025
262	Trần Ngọc Nhi	23//08/2001	Cử nhân Điều dưỡng	862/58/20 tổ 1 KP.3 P.Tân Chánh Hiệp Q.12 TP.HCM	19/08/2024	19/02/2025
263	Huỳnh Thị Linh Trang	11/11/1997	Cao đẳng điều dưỡng	366/57/7a Chu Văn An, F.12, Q.Bình Thạnh	19/08/2024	19/02/2025
264	Lê Thị Kim Ngân	02/04/1995	Cử nhân điều dưỡng	Thôn 2, thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định	23/09/2024	23/03/2025
265	Thái Nữ Bảo Trân	1999	Cao đẳng Điều Dưỡng	59/39/15E Đỗ Thúc Tịnh phường 12 quận Gò Vấp TP.HCM	28/10/2024	28/4/2025
266	Nguyễn Xuân Quỳnh	2003	Cao đẳng Điều Dưỡng	Ấp Hưng Chánh - xã Châu Hưng- huyện Bình Đại- tỉnh Bến Tre	28/10/2024	28/4/2025
267	Phạm Thị Hường	1995	Cao đẳng Điều Dưỡng	Ấp Bãi Vòng, Hàm Ninh, Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	28/10/2024	28/4/2025
268	Nguyễn Thị Thùy Hương	2000	Cao đẳng Điều Dưỡng	Lễ Thạnh, Diên Thọ, Diên Khánh, Khánh Hoà	28/10/2024	28/4/2025
269	Nguyễn Thị Hồng Hải	2003	Cử nhân Điều Dưỡng	thôn Phú Diềm- An Hòa Hải- Tuy An - Phú Yên	28/10/2024	28/4/2025
270	Nguyễn Đỗ Yến Nhi	09/03/2003	Cao đẳng Điều dưỡng	31/2A Lý Thường Kiệt, Phường 04, Quận Gò Vấp, Tp.HCM	25/11/2024	28/5/2025
271	Nguyễn Văn Chính	24/07/2000	Cao đẳng Điều dưỡng	Tổ 8 Tân Trung, Tân Hà, Tân Châu Tây Ninh	16/12/2024	17/06/2025
272	Lý Thị Mộng Cầm	2000	Cử nhân Điều Dưỡng	tổ 3, ấp Phú Tài, xã Hoà Hiệp, Tp.HCM	17/02/2025	17/8/2025
273	Lê Thị Cẩm Thúy	2000	Cử nhân Điều Dưỡng	67/8/3 đường Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận, Tp.HCM	17/02/2025	17/8/2025
274	Hoàng Giang Hậu	1987	Cử nhân Điều Dưỡng	71/13 TL29, Khu phố 49, Phường An Phú Đông, Thành phố HCM	17/02/2025	17/8/2025
275	Vũ Ngọc Vy	2003	Cao đẳng Điều Dưỡng	124/22B Xô viết nghệ tĩnh, Khu phố 18, Phường	17/02/2025	17/8/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
				Thành Mỹ Tây , TPHCM		
276	Đỗ Thị Như Phương	10/01/2002	Cử nhân Điều Dưỡng	999 Trung Lập, Phú Hoà, Phú Mỹ Hưng, Củ Chi, TP HCM	17/03/2025	18/09/2025
277	Vũ Thị Thiên Nga	24/12/1996	Cử nhân Điều Dưỡng	Áp Phú Thiện, xã Hoà Hiệp , Huyện Xuyên Mộc , Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.	17/03/2025	18/09/2025
278	Nguyễn Thị Cẩm Vân	10/05/1998	Cử nhân Điều Dưỡng	tổ 11, ấp kinh 2b, xã Tân An, Huyện Tân Hiệp, Tỉnh Kiên Giang.	17/03/2025	18/09/2025
279	Trương Thị Thu Hằng	23/07/1998	Cử nhân điều dưỡng	Giang Bắc, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định	17/03/2025	18/09/2025
280	Võ Minh Đạt	19/03/2002	Cao đẳng điều dưỡng	Thôn 1 xã Phước Thê, Tuy Phong Tỉnh Bình Thuận	17/03/2025	18/09/2025
281	Đỗ Ngô Trúc Như	05/01/2003	Điều dưỡng cao đẳng	Tổ 4, Phước Lộc B, Phước Minh, Dương Minh Châu, Tây Ninh	17/03/2025	18/09/2025
282	Trần Minh Khoa	28/08/2000	Cao đẳng điều dưỡng	Khu phố 3 Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	17/03/2025	18/09/2025
283	Nguyễn Hoàng Dũng	1998	Cử nhân Điều Dưỡng	275/60 Bạch Đằng Khu phố 41, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh	14/04/2025	14/10/2025
284	Tô Thị Thanh Hoa	2001	Cao đẳng Điều Dưỡng	8/96 Đỉnh Bộ Lĩnh, Khu Phố 35, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.	14/04/2025	14/10/2025
285	Trần Anh Phát	2002	Cử nhân Điều Dưỡng	68/10 Cư Xá Lữ Gia, Khu Phố 3, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh	14/04/2025	14/10/2025
286	Trần Thị Thúy Vân	2002	Cao đẳng Điều Dưỡng	Tổ 2, Ấp Phú Hợp B, Xã Phú Lâm, Tỉnh Đồng Nai	14/04/2025	14/10/2025
287	Huỳnh Thy Mỹ Uyên	2002	Cử nhân Điều Dưỡng	Áp Nhơn Hòa 2, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh	14/04/2025	14/10/2025
288	Nguyễn Thị Giang	2000	Cử nhân Điều Dưỡng	Thôn Thọ Thành, xã Quỳnh Phú, tỉnh Nghệ an.	14/04/2025	14/10/2025
289	Đỗ Thị Kim Thoa	20/10/1983	Cao Đẳng Điều dưỡng	258/22/15n ấp 2,đông Thạnh, hóc môn, TP HCM	19/05/2025	20/11/2025
290	KaSă K Anh	2002	Cao đẳng Điều	126 bia ray, N' thôl hạ, Đức trọng, Lâm Đồng	16/06/2025	17/12/2025

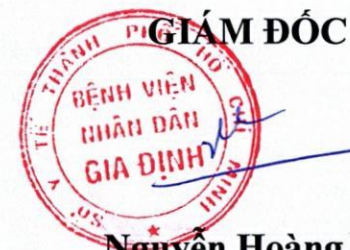
STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
			dưỡng			
291	Nguyễn Ngọc Ánh	1992	Cao đẳng Điều dưỡng	Căn hộ A7.16 Chung cư Sen Xanh, 36 Trịnh Đình Thảo, Khu phố 35, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.	16/06/2025	17/12/2025
292	Nguyễn Ánh Thu	1993	Cao đẳng Điều dưỡng	4/4H Tổ 19, Ấp Võ Đông 3, xã Gia Kiệm, Đồng Nai	16/06/2025	17/12/2025
293	Nguyễn Lộc Đông Nghi	2002	Cử nhân Xét nghiệm	377/12 Bạch Đằng, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	28/10/2024	28/4/2025
294	Nguyễn Triệu Vĩ	2000	Cử nhân Xét nghiệm	111 Trung Lập Trung Bình Trung Lập Thượng Củ Chi Tp. HCM	28/10/2024	28/4/2025
295	Đỗ Kim Hằng	08/05/2000	Cử nhân Xét nghiệm	127/2/45 Bình Lợi, KP20, phường 13, quận Bình Thạnh, Tp.HCM	16/12/2024	17/06/2025
296	Ngô Thị Bảo Quyên	2002	Cử nhân Xét nghiệm	87/8, Tổ 55b, Khóm Bình Đức 1, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang	17/02/2025	17/8/2025
297	Khuru Trà My	2001	Cử nhân Xét nghiệm	131/4, Khu phố 10, phường Tân Thới Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	17/02/2025	17/8/2025
298	Trần Minh Sang	2002	Cử nhân Xét nghiệm	37/6E Ấp 45, Xã Hóc Môn, TP.HCM	17/02/2025	17/8/2025
299	Phạm Hoàng Tuấn Kiệt	2002	Cử nhân Xét nghiệm	23a đường 43 khu phố 49 phường Bình Trưng thành phố Hồ Chí Minh	17/02/2025	17/8/2025
300	Huỳnh Phương Anh	1999	Cử nhân Xét nghiệm	183/29C Nguyễn Hữu Cảnh, khu phố 1, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM	17/02/2025	17/8/2025
301	Nguyễn Thị Yến Quỳnh	2002	Cử nhân Xét nghiệm	D6/27C Ấp 25, xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh	17/02/2025	17/8/2025
302	Nguyễn Thị Thanh Hằng	2002	Cử nhân Xét nghiệm	38/2T, ấp 45, Xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	17/03/2025	17/9/2025
303	Nguyễn Ngọc Thu Minh	2003	Cử nhân Xét nghiệm	1396/K, đường Nguyễn Công Tường, ấp 2, xã Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	17/03/2025	17/9/2025
304	Đặng Ngọc Bảo Châu	2002	KTVXN	359 Quang Trung, khu phố 5, phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	14/04/2025	14/10/2025

STT	Tên người thực hành	Ngày, tháng năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Đơn vị đang công tác hoặc địa chỉ thường trú của người thực hành	Thời điểm bắt đầu tiếp nhận	Thời điểm kết thúc
305	Nguyễn Duy Lin	2002	KTVXN	13/40, ấp Tân Trung, xã Hưng Khánh Trung, tỉnh Vĩnh Long	14/04/2025	14/10/2025
306	Võ Dương Thảo Nguyên	1997	KTVXN	số 228 đường tỉnh lộ 8, ấp 17, xã Phú Hoà Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	14/04/2025	14/10/2025
307	Phan Thị Kim Ngân	2001	Cao đẳng ktv	30/3, ấp Quí Lợi, xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	14/04/2025	14/10/2025
308	Bùi Thị Thanh Vy	2003	Cao đẳng ktv	số nhà 300 ấp 3 xã Tân lân tỉnh Tây Ninh	14/04/2025	14/10/2025
309	Đỗ Thị Quế Anh	2003	Cao đẳng ktv	Tổ 1, ấp Thanh Bình, xã Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	14/04/2025	14/10/2025
310	Nguyễn Duy Khánh	2003	Cao đẳng ktv	Tổ dân phố 7, Ấp Bắc Trang 1, Xã Tân Hồng, Tỉnh Đồng Tháp	14/04/2025	14/10/2025
311	Nguyễn Thị Như Ý	1999	KTVXN	Tổ 3, Ấp 5, xã Xuân Hoà, Tỉnh Đồng Nai	14/04/2025	14/10/2025
312	Lê Quang Tiến Mạnh	2000	KTVXN	Thôn An Tây Điền, Xã Nguyễn Nghiêm, Tỉnh quảng Ngãi	19/05/2025	19/11/2025
313	Đào Ngọc Hải	2001	KTVXN	457 Đường số 3, khu phố Hoà Phú 1, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	19/05/2025	19/11/2025
314	Huỳnh Nguyễn Thiên Thanh	2001	KTVXN	2B/6 Đường 31 tháng 3, tổ 18, khu vực 17, phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai	19/05/2025	19/11/2025
315	Bùi Minh Luân	14/10/2003	KTVXN	Tổ 40, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	15/07/2025	16/01/2026

Người lập biểu



Lê Minh Phương



Nguyễn Hoàng Hải